

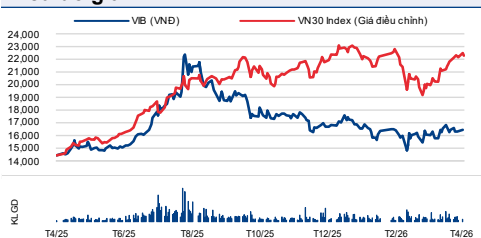
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ20,800
Tiềm năng tăng/giảm: 27.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2026)	16,300
Mã Bloomberg	VIB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,513-22,375
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,375
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	55,485
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,105
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,404
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	168
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	4.99%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.94%
Tỷ lệ freefloat	50.7%
Cổ đông lớn	Chủ tịch, liên quan (14.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	556,098	626,986	723,693
Dư nợ cho vay (ntđ)	381,976	435,453	502,948
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	20,007	22,310	25,709
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,285	7,949	9,018
BVPS (đồng)	13,779	13,847	15,617
EPS (đồng)	2,143	2,227	2,414
DPS (đồng)	700	900	600
T.trưởng cho vay KH (%)	17.9	14.0	15.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(2.73)	11.5	15.2
Tăng trưởng EPS (%)	0.77	3.90	8.41
Tăng trưởng DPS (%)	(44.0)	28.6	(33.3)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	32.7	40.4	24.9
ROAE (%)	16.4	16.1	16.4
ROAA (%)	1.39	1.34	1.34
Tỷ lệ NIM (%)	3.11	3.11	3.18
Tỷ lệ CIR (%)	37.2	37.3	36.1
Hệ số CAR (%)	12.4	11.5	11.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.97	2.80	2.70
LLR/nợ xấu (%)	42.9	41.6	45.8
Hệ số LDR (%)	130	120	119
P/B (lần)	1.18	1.18	1.04
P/E (lần)	7.61	7.32	6.75
Lợi suất cổ tức (%)	4.29	5.52	3.68

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIB là một ngân hàng bán lẻ tầm trung tại Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực cho vay mua nhà, ô tô và bancassurance.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q1/2026: Thu nhập phí một lần hỗ trợ LNTT, trong khi kết quả hoạt động cốt lõi kém tích cực

- LNTT Q1/2026 đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16% và vượt dự báo Q1 của chúng tôi (hoàn thành khoản 28% dự báo cả năm) nhờ khoản thu nhập phí một lần.
- Tuy nhiên, HĐKD cốt lõi kém tích cực hơn. Trong đó, tín dụng tăng trưởng 1,1% kể từ đầu năm, chậm hơn so với bình quân ngành, trong khi tỷ lệ NIM thu hẹp 17 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,92% trước sức ép chi phí huy động. Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định với tỷ lệ nợ xấu đi ngang so với quý trước ở mức 2,9% trong khi Ngân hàng chủ động trích lập dự phòng.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VIB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,18 lần, thấp hơn 10% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần (với hệ số ROE dự phóng năm 2026 thấp hơn – 15,8% so với 17,2%). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 20.800đ cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn về KQKD Q1 và triển vọng của Ngân hàng.

Sự kiện: Động lực Q1/2026 đến từ khoản phí một lần

VIB đã công bố LNTT Q1/2026 đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, hoàn thành 28% kế hoạch năm 2026 và vượt đáng kể dự báo Q1 của chúng tôi, nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tốt hơn nhiều so với kỳ vọng (tăng 427% so với cùng kỳ). BLĐ chia sẻ rằng kết quả này bao gồm một khoản phí upfront lớn liên quan đến hợp tác với công ty thẻ Visa (chúng tôi ước tính khoảng 1,6-1,7 nghìn tỷ đồng dựa trên giá định tăng trưởng bình thường/bền vững, tương đương khoảng 30% tổng tổng thu nhập hoạt động Q1/2026). Lưu ý rằng dự báo năm 2026 của chúng tôi không bao gồm khoản thu nhập này.

Động lực tăng trưởng lợi nhuận bao gồm: Thu nhập lãi thuần tăng vừa phải 8% so với cùng kỳ, trong đó tín dụng tăng trưởng khiêm tốn 1,1% kể từ đầu năm & tỷ lệ NIM giảm 17 điểm cơ bản xuống 2,92%, và thu nhập ngoài lãi tăng 111% so với cùng kỳ, trong khi chi phí dự phòng tăng mạnh 186% so với mức nền thấp cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, VIB

LNTT Q1 tăng 16% so với cùng kỳ nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 27% giúp bù trừ cho mức tăng 186% của chi phí dự phòng

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,737	4,039	8%	22%
Thu nhập ngoài lãi	864	1,822	111%	43%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	378	1,989	427%	80%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	114	-356	-411%	
Lãi thuần mua bán trái phiếu	29	-131	-548%	
Thu nhập thuần khác	343	319	-7%	21%
Tổng thu nhập HĐ	4,601	5,860	27%	26%
Chi phí HĐ	-1,759	-1,853	5%	22%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,842	4,008	41%	29%
Chi phí dự phòng	-421	-1,205	186%	30%
LNTT	2,421	2,803	16%	28%
Lợi nhuận thuần	1,936	2,241	16%	28%

Nguồn: VIB, HSC

Tín dụng tăng trưởng thấp và chậm hơn so với bình quân ngành

Tín dụng chỉ tăng 1,1% kể từ đầu năm, thấp hơn so với bình quân ngành. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp (tăng 7,2%), trong khi cho vay bán lẻ giảm 1,5%. Từ đó, tỷ trọng cho vay bán lẻ giảm xuống 68% tổng dư nợ tín dụng. Cơ cấu theo ngành, tăng trưởng tập trung ở ngành BĐS (tăng 14%), dịch vụ tài chính (tăng 7%) và xây dựng (tăng 6%).

Về phía huy động, tổng huy động tăng 6,5% kể từ đầu năm, trong đó tiền gửi tăng 7,4% và giấy tờ có giá giảm 0,9%, tương đương hệ số LDR điều chỉnh giảm xuống 110% từ mức cao kỷ lục 116% vào cuối năm 2025.

Tỷ lệ NIM thu hẹp trước sức ép chi phí huy động

Tỷ lệ NIM giảm 17 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 11 điểm cơ bản so với cùng kỳ do hệ số LDR giảm xuống và chi phí huy động tăng. Chi phí huy động tăng 40 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 83 điểm cơ bản so với cùng kỳ, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng của lợi suất tài sản (tăng 22 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 71 điểm cơ bản so với cùng kỳ) do tốc độ định lại lãi suất của nợ nhanh hơn so với tài sản. Ngoài ra, việc chuyển dịch sang phân khúc khách hàng doanh nghiệp cũng gây sức ép lên tỷ suất lợi nhuận.

Chất lượng tài sản ổn định so với quý trước, chủ động trích lập dự phòng

Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện và nhìn chung ổn định so với quý trước, mặc dù nợ quá hạn vẫn ở mức cao so với bình quân ngành. Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ 3 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,9%, giảm so với mức đỉnh trong Q3/2024 là 3,9%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 nhìn chung ổn định so với quý trước ở mức 2,5% và đang trong xu hướng giảm trong 8 quý qua, xuống sát mức thấp nhất trong 5 năm. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành tăng so với quý trước lên 1,2% nhưng vẫn tương đương bình quân năm 2025 ở mức 1,3% và thấp hơn đáng kể so với bình quân giai đoạn căng thẳng 2023-2024 (2,6%).

Ngân hàng đẩy mạnh trích lập dự phòng trong Q1, trái ngược với việc giảm dự phòng trong nửa đầu năm 2025. Chi phí tín dụng đạt 1,3% trong Q1/2026, tương đương mức ghi nhận tại nửa cuối năm 2025 và cao hơn so với nửa đầu năm 2025 (0,6%), từ đó khiến chi phí dự phòng tăng mạnh so với cùng kỳ. Điều này có thể cho thấy một lập trường chủ động hơn để củng cố đệm dự phòng mỏng hiện tại. Tính đến cuối Q1/2026, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR đạt 43%, đi ngang so với quý trước nhưng vẫn thấp hơn so với bình quân ngành (khoảng 60%) và bình quân quá khứ của VIB (khoảng 50%).

Thu nhập ngoài lãi vượt kỳ vọng có thể nhờ khoản phí từ hợp tác với Visa

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 111% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 427% so với cùng kỳ, trong khi thu nhập từ thu hồi nợ xấu nhìn chung đi ngang và HĐKD nguồn vốn lỗ 486 tỷ đồng (so với lỗ 355 tỷ đồng trong Q4/2025 và lãi 143 tỷ đồng trong Q1/2025).

Thu nhập phí tăng mạnh nhờ mảng thanh toán và thẻ, tăng 286% so với cùng kỳ và tăng 198% so với quý trước – cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng bình quân quá khứ (trung bình khoảng 20% so với cùng kỳ và khoảng 10% so với quý trước trong 5 năm qua). Như đã đề cập, Ngân hàng chia sẻ với chúng tôi thu nhập phí tăng mạnh liên quan đến khoản phí upfront lớn từ thương vụ hợp tác với Visa. Chúng tôi ước tính khoản phí này đem lại khoảng 1,6-1,7 nghìn tỷ đồng (dựa trên giả định tiếp tục tăng trưởng bình thường/bền vững), tương đương gần 30% tổng thu nhập hoạt động Q1/2026 và trở thành động lực tăng trưởng chính cho tăng trưởng lợi nhuận.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào nhưng đang xem xét lại giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VIB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,18 lần, thấp hơn 10% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần với hệ số ROE dự phóng năm 2026 thấp hơn (15,8% so với 17,2%). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 20.800đ cho đến khi đánh giá toàn diện hơn về KQKD Q1 và triển vọng của Ngân hàng; chúng tôi cũng đang xem xét lại dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	32,443	36,324	44,236	51,511	60,467
Chi phí lãi	(15,693)	(20,232)	(26,140)	(30,363)	(35,553)
Thu nhập lãi thuần	16,750	16,092	18,096	21,149	24,914
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,765	2,105	2,501	2,892	3,195
Lãi thuần HĐ KDNH	501	(154)	208	251	290
Lãi/lỗ từ mua bán CK	248	79.8	0	69.9	81.9
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	3.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Thu nhập khác	1,300	1,881	1,501	1,345	1,203
Tổng thu nhập HĐ	20,569	20,007	22,310	25,709	29,687
Chi phí HĐ	(7,211)	(7,435)	(8,315)	(9,279)	(10,717)
LN trước dự phòng	13,358	12,572	13,994	16,430	18,969
Chi phí dự phòng	(4,353)	(3,467)	(4,058)	(5,158)	(6,236)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9,004	9,105	9,936	11,272	12,734
Chi phí thuế TNDN	(1,800)	(1,819)	(1,987)	(2,254)	(2,547)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7,204	7,285	7,949	9,018	10,187
EPS (đồng)	2,127	2,143	2,227	2,414	2,727
DPS (đồng)	1,250	700	900	600	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,388	3,400	3,570	3,736	3,736
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,395	3,404	3,736	3,736	3,736
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,395	3,404	3,736	3,736	3,736

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,639	3,553	2,258	2,540	2,934
Tiền gửi tại NHNN	9,909	8,998	9,248	10,059	11,618
Tiền gửi tại các TCTD khác	105,589	104,411	108,863	125,737	145,226
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	822	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	318,325	377,118	430,378	496,724	573,463
Tổng dư nợ cho vay	324,019	381,976	435,453	502,948	580,905
Dự phòng rủi ro	(5,694)	(4,859)	(5,075)	(6,225)	(7,442)
Chứng khoán đầu tư	50,344	51,150	64,512	75,207	88,519
CK đầu tư sẵn sàng để bán	50,346	51,150	64,512	75,207	88,519
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	42.4	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(43.9)	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	69.5	69.5	81.1	108	124
Tài sản cố định	798	849	978	1,006	1,162
Tài sản khác	5,663	9,951	10,669	12,312	14,232
Tổng tài sản	493,158	556,098	626,986	723,693	837,279
Nợ phải trả	451,297	509,194	575,258	665,353	771,548
Tiền gửi của NHNN	18,587	10,981	13,064	12,574	11,618
Tiền gửi của các TCTD khác	123,201	157,509	145,524	170,153	192,154
Tổng tiền gửi KH	276,308	294,578	362,878	423,041	497,919
Trái phiếu và CCTG	23,263	35,071	40,320	47,005	55,324
Nợ khác	9,938	10,950	13,049	12,582	14,532
Vốn chủ sở hữu	41,862	46,905	51,727	58,339	65,731
Vốn điều lệ	29,791	34,040	37,356	37,356	37,356
Thặng dư vốn cổ phần	1.77	1.95	1.95	1.95	1.95
Lợi nhuận giữ lại	7,735	7,516	7,582	13,399	19,889
Quỹ & vốn khác của CSH	4,333	5,347	6,788	7,583	8,484
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	493,158	556,098	626,986	723,693	837,279
BVPS (đồng)	12,330	13,779	13,847	15,617	17,596

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.3	12.8	12.7	15.4	15.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.6	17.9	14.0	15.5	15.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.8	6.61	23.2	16.6	17.7
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.0	10.0	22.3	16.6	17.7
Tăng trưởng VCSH (%)	10.3	12.0	10.3	12.8	12.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(9.38)	(3.93)	12.5	16.9	17.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	9.08	3.10	11.8	11.6	15.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(14.1)	(5.89)	11.3	17.4	15.5
Tăng trưởng LNTT (%)	(15.9)	1.11	9.13	13.4	13.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(15.9)	1.12	9.11	13.4	13.0
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.56	3.81	3.77	3.81	3.80
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.60)	(1.42)	(1.41)	(1.37)	(1.37)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	99.0	98.8	98.4	98.6	98.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.75	1.95	2.28	2.63	3.04
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	37.7	38.1	41.6	47.2	53.3
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.66	7.61	7.32	6.75	5.98
P/B (lần)	1.32	1.18	1.18	1.04	0.93
Lợi suất cổ tức (%)	7.67	4.29	5.52	3.68	4.29

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.0	36.4	35.6	35.1	34.3
ROAA (%)	1.60	1.39	1.34	1.34	1.31
ROAE (%)	18.1	16.4	16.1	16.4	16.4
Chi phí huy động BQ (%)	3.92	4.31	4.93	5.00	5.04
Lợi suất góp BQ (%)	7.26	7.01	7.60	7.73	7.85
Lợi suất thuần (%)	3.34	2.70	2.66	2.73	2.81
Tỷ lệ NIM (%)	3.75	3.11	3.11	3.18	3.24
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.58	10.5	11.2	11.2	10.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.4	80.4	81.1	82.3	83.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.98	9.04	7.68	6.49	5.31
Tỷ lệ CIR (%)	35.1	37.2	37.3	36.1	36.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	58.8	32.7	40.4	24.9	25.7
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.4	12.4	11.5	11.2	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	8.49	8.43	8.25	8.06	7.85
Đòn bẩy vốn (lần)	11.8	11.9	12.1	12.4	12.7
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.51	2.97	2.80	2.70	2.50
Hệ số LLR (%)	50.1	42.9	41.6	45.8	51.2
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	130	120	119	117
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	29.1	32.3	26.5	26.6	25.8
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.7	68.7	69.5	69.5	69.4
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	191	191	191	191	191
Số lượng nhân viên	11,736	10,278	9,764	9,764	9,764

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn